

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2017/DS-ST
Ngày 04-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán điện

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Diệp Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 679/2016/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng mua bán điện theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 772/2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 776/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Tổng Công ty A; trụ sở: 35 đường B, phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: 368 đường M, Phường N, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn P, sinh năm: 1961.

Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông Nguyễn Tự H, sinh năm: 1963. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty A - Công ty Điện lực P. (Theo Giấy ủy quyền số: 4595/UQ-EVNHCMC ngày 31/10/2016) - vắng mặt.

2/ Bà Hoàng Thị Thanh V, sinh năm: 1970. Chức vụ: Phó Phòng Kinh doanh - Chi nhánh Tổng Công ty A - Công ty Điện lực P. (Theo Giấy ủy quyền số: 1339/UQ-PCGV ngày 01/11/2016).

(Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm: 1957; địa chỉ: 862/44/28 đường Q, Phường R, quận P, Tp. Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2016 và trong quá trình xét xử, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31/5/2016, Tổng Công ty A ký kết Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, mã số: 79764116017012 - PE 13000222861 với bà Trần Thị B, địa chỉ: 862/44/28 đường Q, Phường R, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà B sử dụng điện để sinh hoạt gia đình từ tháng 06/2016 đến tháng 09/2016 thì bị ngừng cung cấp điện do nợ không thanh toán 02 kỳ tiền, cụ thể:

- Kỳ 9/16: số tiền 3.306.036 đồng, ngày ghi điện 25/8/2016 (điện năng sử dụng từ ngày 25/7/2016 đến ngày 25/8/2016).

- Sau khi thực hiện tạm ngưng cấp điện phát sinh thêm kỳ 10/2016 số tiền 301.492 đồng, do từ ngày ghi điện của kỳ 09/16 (25/8/2016) đến ngày tạm ngưng cấp điện (14/9/2016) phát sinh thêm 20 ngày tiêu thụ điện.

- Chi phí ngừng và cấp điện trở lại: 89.100 đồng.

Tổng số tiền nợ mà bà B phải trả là 3.696.628 đồng.

Đối với nợ kỳ 09/16:

- Vào ngày 25/8/2016, Công ty Điện lực P cử nhân viên đến ghi điện và gửi thông báo lần 1.

- Ngày 28/8/2016 đến thu tiền điện và gửi thông báo lần 2 nhưng bà B không thanh toán.

- Ngày 31/8/2016 tiếp tục gửi thông báo lần 3 và đến ngày 14/9/2016, Công ty Điện lực P đã tạm ngưng cung cấp điện, bà B vẫn không thanh toán.

Đối với nợ kỳ 10/16:

- Vào ngày 25/9/2016, Công ty Điện lực P cử nhân viên đến ghi điện và gửi thông báo lần 1.

- Ngày 28/9/2016 đến thu tiền điện và gửi thông báo lần 2 nhưng bà B không thanh toán.

- Ngày 30/9/2016 tiếp tục gửi thông báo lần 3, bà B vẫn không thanh toán cho đến nay.

Tổng Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị B phải thanh toán đầy đủ số tiền còn nợ cho Tổng Công ty A số tiền 3.696.628 đồng.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Trần Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn: thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 513, 515, 518, 519, 520 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị B phải có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty A số tiền 3.696.628 (ba triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt mã số 79764116017012 - PE 13000222861 ngày 31/5/2016 được ký giữa Tổng Công ty A và bà Trần Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện của Tổng Công ty A, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự, bị đơn là bà Trần Thị B cư trú tại địa chỉ: 862/44/28 đường Q, Phường R, quận P, Tp. Hồ Chí Minh; xét đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán điện” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Bà Trần Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Hoàng Thị Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

Vào ngày 31/5/2016, bà B và Tổng Công ty A có ký kết hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt mã số 79764116017012 - PE 13000222861.

Bà B sử dụng điện để sinh hoạt gia đình từ tháng 06/2016 đến tháng 09/2016 do không thanh toán 02 kỳ tiền nên Chi nhánh Tổng Công ty A - Công ty Điện lực P (sau đây gọi tắt là Công ty Điện lực P) ngừng cung cấp điện, cụ thể:

- Kỳ 9/16: số tiền 3.306.036 đồng, ngày ghi điện 25/8/2016 (điện năng sử dụng từ ngày 25/7/2016 đến ngày 25/8/2016).

- Sau khi thực hiện tạm ngưng cấp điện phát sinh thêm kỳ 10/2016 số tiền 301.492 đồng, do từ ngày ghi điện của kỳ 09/16 (25/8/2016) đến ngày tạm ngưng cấp điện (14/9/2016) phát sinh thêm 20 ngày tiêu thụ điện.

- Chi phí ngừng và cấp điện trở lại: 89.100 đồng.

Tổng số tiền nợ mà bà B phải trả là 3.696.628 đồng.

Công ty Điện lực P đã tiến hành các thủ tục thông báo về thời hạn thanh toán tiền điện, thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán và thông báo ngừng cung cấp điện đối với bà B.

Căn cứ vào Giấy báo tiền điện đợt 1 tháng 8/2016, kỳ 9/2016, từ ngày 26/7/2016 đến ngày 25/8/2016 thì hộ khách hàng tên Trần Thị B có điện năng tiêu thụ là 1.215 kWh, cụ thể giá như sau: 50kWh x 1.484 đồng = 74.200 đồng; 50kWh x 1.533 đồng = 76.650 đồng; 100 kWh x 1.786 đồng = 178.600 đồng; 100kWh x 2.242 = 224.200 đồng; 100 kWh x 2.503 đồng = 250.300 đồng; 851kWh x 2.587 đồng = 2.201.537 đồng; số tiền là 3.005.487 đồng; thuế GTGT 10% là 300.549 đồng; tổng cộng số tiền bà B phải thanh toán là 3.306.036 đồng.

Căn cứ Giấy báo tiền điện đợt 1, tháng 9/2016, kỳ 10/2016, từ ngày 26/8/2016 đến ngày 25/9/2016 thì hộ khách hàng tên Trần Thị B có điện năng tiêu thụ là 169 kWh, cụ thể: 50kWh x 1.484 đồng = 74.200 đồng; 50kWh x 1.533 đồng = 76.650 đồng; 69 kWh x 1.786 đồng = 123.234 đồng. số tiền là 274.084 đồng; thuế GTGT 10% là 27.408 đồng; tổng cộng số tiền bà B phải thanh toán là 301.492 đồng.

Do bà B không thanh toán tiền điện theo đúng thời hạn, Công ty Điện lực P ngừng cung cấp điện cho bà B, chi phí ngừng và cấp điện trở lại là: 89.100 đồng.

Xét thấy, bà B không thanh toán tiền điện cho Tổng Công ty A là vi phạm Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt mã số 79764116017012- PE 13000222861 được xác lập giữa bà B và Tổng Công ty A. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị B phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ, chi phí ngừng và cung cấp điện trở lại cho Tổng Công ty A số tiền 3.696.628 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về án phí: Bà Trần Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 513, 515, 518, 519, 520 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Tổng Công ty A.

Buộc bà Trần Thị B phải có trách nhiệm thanh toán cho Tổng Công ty A số tiền 3.696.628 (ba triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt mã số 79764116017012 - PE 13000222861 ngày 31/5/2016 được ký giữa Tổng Công ty A và bà Trần Thị B, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Hoàn lại số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0017472 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự; (2)
- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND quận Gò Vấp; (2)
- Chi cục THADS quận Gò Vấp; (1)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vũ Thị Thúy Nga